TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HS-PT
Ngày: 09-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
ông Đặng Kim Nhân
Các Thẩm phán: ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 297/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Lâm Thị N và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Lâm Thị N, sinh ngày 24 tháng 08 năm 1984, tại: Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hưng L và bà Lê Thị Đ; có chồng và có 04 người con; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 67/2021/HSPT ngày 13 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lâm Thị N 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng), về tội "*Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới"* theo điểm b khoản 2 Điều 189 của Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt và bản án ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 4 năm 2024; được thay đổi biện pháp tạm giam ngày 01 tháng 11 năm 2024; bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Trà C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1997, tại: Hải Phòng; nơi cư trú: Số G, Lô B Đ, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy V và bà Nguyễn Thị Bích H; có chồng (đã ly hôn) và có 02 người con (con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

3. Trần Thị Bích V1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1992, tại: Hải Phòng; nơi cư trú: thôn T, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 và bà Lương Thị N2; có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang tại ngoại, vắng mặt

4. Vũ Thị H1, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1989, tại: Nam Định; nơi cư trú: Số A đường N, xã H, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình M (đã chết) và bà Trần Thị T; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị bắt tạm giam ngày 23 tháng 9 năm 2024; được thay đổi biện pháp tạm giam ngày 04 tháng 3 năm 2025; bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 3 năm 2024, Lâm Thị N rủ Nguyễn Thị Tú A sang Hàn Quốc vận chuyển thuê 150.000 đô la Mỹ (*một trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ*) và điện thoại di động về Việt Nam để hưởng tiền công với giá 3.000.000 đồng/10.000 đô la M1 nếu có đặt cọc tiền bảo đảm; 1.000.000 đồng/10.000 đô la Mỹ nếu không đặt cọc tiền bảo đảm; 250.000 đồng/1 chiếc điện thoại nếu không có đặt cọc tiền bảo đảm, Tú A đồng ý đi cùng N và góp 1.254.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu đồng) tiền cọc bảo đảm cho việc vận chuyển 50.000 đô la Mỹ (năm mươi nghìn đô la Mỹ) .

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, Tú A chuyển khoản 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho N để đặt cọc cho việc vận chuyển đô la Mỹ (chuyển 45.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 và 55.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T2 số 19035521580010 của Tú A đến tải khoản Ngân hàng B số 5150776561 của N).

Khoảng 11 giờ 24 phút ngày 29 tháng 3 năm 2024, N điện thoại qua ứng dụng Messenger của mạng xã hội Facebook liên hệ với Nguyễn Thị Trà C thỏa thuận nhận vận chuyển 150.000 đô la Mỹ có đặt cọc và nhận vận chuyển 43.200 đô la Mỹ không có đặt cọc từ Hàn Quốc về Việt Nam, C đồng ý. Theo yêu cầu của C, lúc 11 giờ 47 phút ngày 29 tháng 3 năm 2024, N chuyển khoản 09 lần với tổng số tiền là 2.700.212.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng B của N đến tài khoản Ngân hàng A1 số 825668888 của C để đặt cọc cho 150.000 đô la Mỹ. Theo yêu cầu của N, lúc 12 giờ 40 phút ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tú A tiếp tục chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 của Tú A đến tài khoản Ngân hàng B của N.

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 29 tháng 3 năm 2024, N, Tú A, Lâm Duy P (con trai của N), Lâm Hưng T1 (anh trai của N) và Vũ Thị H1 đi chuyến bay VJ944 của Hãng hàng không V3 từ Sân bay L, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam đi Hàn Quốc, hạ cánh tại Sân bay I, Hàn Quốc lúc 00 giờ 55 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024 (theo giờ Việt Nam). N và Tú A đứng chờ tại đây để nhận tiền đô la Mỹ. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024, tại Sân bay I, Vũ Thị H1 gặp K (người Hàn Quốc, chưa xác định lai lịch, là bạn của H1). Kim nhờ H1 vận chuyển 50 chiếc

điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng về Việt Nam với tiền công là 250.000 đồng/1 chiếc, H1 đồng ý. Sau đó, H1 hỏi N có muốn vận chuyển số điện thoại trên về Việt Nam với tiền công K đưa ra không thì N đồng ý. Tại sân bay, H1 đưa cho N 01 thùng giấy bên trong chứa 50 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng.

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 3 năm 2024, tại Sân bay I, C cử Trần Thị Bích V1 đến đưa cho N 193.200 đô la Mỹ (một trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đô là Mỹ). N yêu cầu Tú A đưa đủ cho N số tiền đặt cọc nhận vận chuyển còn thiếu, Tú A sử dụng tài khoản ngân T2 chuyển khoản 1.031.000.000 đồng (một tỷ không trăm ba mươi mốt triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng số 8377171234 mở tại Ngân hàng T2 mang tên Nguyễn Ánh S (em trai của Tú A) và nhờ Sáng chuyển khoản cho N. Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 đến 14 giờ 01 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024, S đã sử dụng tài khoản Ngân hàng T2 số 8377171234 chuyển khoản 03 lần vào tài khoản ngân hàng B của N với tổng số tiền là 1.081.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu đồng). Lúc 14 giờ 41 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024, Tú A tiếp tục chuyển 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng B1. (Tú A đã chuyển thừa cho N 100.000.000 đồng so với số tiền thỏa thuận ban đầu)

Tại Sân bay I, N và Tú A đã bỏ tiền đô la Mỹ và điện thoại di động vào nhiều túi nhỏ để xách tay, cất giấu trong người. Trong đó, N đã cất giấu 143.200 đô la Mỹ và 30 chiếc điện thoại; Tú A cất giấu 50.000 đô la M1 và 20 chiếc điện thoại và mang trót lọt lên máy bay mang mã hiệu ZES61 của Hãng hàng không E khởi hành vào lúc 18 giờ 20 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024 (theo giờ Việt Nam) từ Sân bay I, Hàn Quốc đi Việt Nam và hạ cánh tại Sân bay C, tỉnh Khánh Hòa lúc khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2024. Khi máy bay gần hạ cánh xuống Sân bay C, N và Tú A tiếp tục giấu toàn bộ số điện thoại và tiền đô la Mỹ vào trong người bằng cách nhét dưới tấm lót giày, dưới quần tất quanh chân và dưới tấm nịt bụng Do số lượng điện thoại và tiền N vận chuyển nhiều nên N nhờ Tú A cất giấu hộ 100.000 đô la Mỹ. Khi máy bay hạ cánh tại Sân bay Quốc tế C, N đưa thêm cho Tú A 03 chiếc điện thoại để nhờ Tú A mang giúp N.

Khoảng 01 giờ 05 phút ngày 31 tháng 3 năm 2024, tại Sảnh nhập nhà ga Sân bay Quốc tế C, tỉnh Khánh Hòa, Chi cục Hải quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế C2 đã tiến hành kiểm tra hành lý và kiểm thể đối với N và Tú A thì phát hiện N đang cất giấu 43.200 đô la Mỹ (bốn mươi ba nghìn hai trăm đô la Mỹ) và 27 chiếc điện thoại di động; Tú A đang cất giấu 150.000 đô la Mỹ (một trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ) và 21 chiếc điện thoại di động (theo lời khai của Tú A quá trình di chuyển từ Hàn Quốc về Việt Nam đã làm thất lạc 02 chiếc điện thoại). Toàn bộ số tiền đô la Mỹ và điện thoại, N và Tú A không xuất trình được hóa đơn, chứng từ về nguồn gốc, xuất xứ, không khai báo Hải quan.

Theo quy định tại mục II, Phụ lục I về Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu kèm theo Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương thì hàng điện tử đã qua sử dụng thuộc nhóm cấm nhập khẩu.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 15/2011/TT-NHNN ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ngân hàng N3 Quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt,

đồng việt nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh thì khi nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế của Việt Nam có mang theo ngoại tệ tiền mặt trên 5.000 đô la Mỹ (năm nghìn đô la Mỹ) thì phải khai báo Hải quan cửa khẩu.

Tại Công văn số 330/KHH-THNSKSNB ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng N3 chi nhánh tỉnh K xác định: Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam so với Đô la M2 áp dụng ngày 30 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2024 là 24.003 VND/USD.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2765/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 6 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa xác định:

- 27 chiếc điện thoại tạm giữ của Lâm Thị N tại thời điểm phạm tội có giá trị 345.281.250 đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- 21 chiếc điện thoại tạm giữ của Nguyễn Thị Tú A tại thời điểm phạm tội có giá trị 169.835.342 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKSKH-P1 ngày 28 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Lâm Thị Ngọc và Nguyễn Thị Tú Anh về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới", Nguyễn Thị Trà C và Trần Thị Bích V1 về tội "Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới", Vũ Thị H1 về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2025/HS-ST ngày 26-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, quyết định:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lâm Thị N phạm tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới";*

- Các bị cáo Nguyễn Thị Trà C và Trần Thị Bích V1 phạm tội "*Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới";*

- Bị cáo Vũ Thị H1 phạm tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".*

- Áp dụng các khoản 3 và 4 Điều 189; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Thị N;

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà C;

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Bích V1;

- Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị H1,

1. Xử phạt bị cáo Lâm Thị N:

- Hình phạt chính 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đến ngày 01 tháng 11 năm 2024 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà C 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng)
2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích V1 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).
3. Xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Tú A, về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tịch thu nộp ngân sách nhà nước, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo: trong thời hạn luật định các bị cáo kháng cáo như sau:

- Bị cáo Lâm Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo Nguyễn Thị Trà C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền.
- Bị cáo Trần Thị Bích V1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền.
- Bị cáo Vũ Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị Trà C, Trần Thị Bích V1 tự nguyện rút kháng cáo.

Bị cáo Lâm Thị Ngọc G nguyên nội dung kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là mức hình phạt quá nặng, bị cáo có nộp tình tiết mới là bị cáo có thai; có xác nhận nhân thân gia đình có công cách mạng, đang thờ cúng liệt sỹ, có bà Ngoại Nguyễn Thị S1 là Mẹ Việt Nam anh hùng, Cha tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được trợ cấp và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có nhiều thành viên là anh chị em trong gia đình là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học mà bị cáo là lao động chính để lo cho gia đình, nếu đi tù thì gia đình sẽ rất khó khăn.

Bị cáo Vũ Thị H1 giữ nguyên nội dung như đơn kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là bị cáo có vai trò rất thấp trong vụ án, gía trị vật phạm pháp ít hơn các bị cáo khác rất nhiều, nhưng mức hình phạt tương đương các bị cáo khác; bị cáo chỉ tham gia giúp sức, đề nghị được giảm nhẹ mức phạt tiền.

** Kiểm sát viên đại diện cho Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến*: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Trà C, Trần Thị Bích V1 do tự nguyện rút đơn kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lâm Thị N thì tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm nhiều tình tiết mới theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Thị H1 do không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Các bị cáo đã khai nhận những hành vi mà các bị cáo đã thực hiện phù hợp với lời khai những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 31 tháng 3 năm 2024, các bị cáo Lâm Thị N, Nguyễn Thị Trà C, Trần Thị Bích V1, Nguyễn Thị Tú A và Vũ Thị H1 đã vận chuyển trái phép vào nội địa Việt Nam qua sân bay quốc tế Cam Ranh điện thoại di động và đô la Mỹ cụ thể.

Lâm Thị N vận chuyển 48 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng và 188.200 đô la Mỹ (một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đô la Mỹ) với tổng trị giá vật phạm pháp là 5.032.481.192 đồng (*năm tỷ không trăm ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn một trăm chín mươi hai đồng*).

Nguyễn Thị Trà C vận chuyển 188.200 đô la Mỹ (*một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đô la Mỹ*) với tổng trị giá vật phạm pháp là 4.517.364.600 đồng (bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Trần Thị Bích V1 vận chuyển 188.200 đô la Mỹ (*một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đô la Mỹ*) với tổng trị giá vật phạm pháp là 4.517.364.600 đồng (*bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*).

Nguyễn Thị Tú A vận chuyển 48 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng và 145.000 đô la Mỹ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đô la Mỹ) với tổng trị giá vật phạm pháp là 3.995.551.592 đồng (*ba tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*).

Vũ Thị H1 vận chuyển 48 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng với tổng trị giá vật phạm pháp là 515.116.592 đồng (*năm trăm mười lăm triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*).

Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định bị cáo Lâm Thị N và Nguyễn Thị Tú A đã phạm tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*"; bị cáo Nguyễn Thị Trà C và Trần Thị Bích V1 đã phạm tội "Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới"; bị cáo Vũ Thị H1 phạm tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*". Tội phạm đều được quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự. Không có kháng cáo về hành vi phạm tội và tội danh.

[3] Xem xét kháng cáo của Nguyễn Thị Trà C và Trần Thị Bích V1:

Hai bị cáo C và V1 đã rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lâm Thị N:

Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm rất lớn cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý việc xuất nhập, nhập khẩu hàng hóa, tiền tệ ảnh

hưởng xấu đến việc phát triển kinh tế xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, vừa được xóa án tích thì lại phạm tội với cùng loại tội phạm bị cáo từng bị kết án. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và áp dụng hình phạt bổ sung mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; gia đình có công với nước để quyết định hình phạt 5 năm tù. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo N cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ mới là có hồ sơ siêu âm bị cáo có thai; có xác nhận của chính quyền địa phương về nhân thân gia đình có công cách mạng, đang thờ cúng liệt sỹ, có bà ngoại Nguyễn Thị S1 là Mẹ Việt Nam anh hùng, C1 là ông Lâm Hưng L tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được trợ cấp và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có nhiều thành viên là anh chị em ruột trong gia đình là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được hưởng trợ cấp hàng tháng; bị cáo là lao động chủ chốt trong gia đình. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 2 tình tiết quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên được áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo 01 năm tù.

[5] Đối với bị cáo Vũ Thị H1

Bản án hình sự sơ thẩm xác định bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại xã L, tỉnh Ninh Bình; đã tự nguyện nộp 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) khắc phục hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp. Bị cáo H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mức phạt tiền đối với bị cáo đã ở mức khởi điểm của khung hình phạt, trong khi bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Vũ Thị H1 phải chịu 200.000 đồng; bị cáo Lâm Thị N, Nguyễn Thị Trà C và Trần Thị Bích V1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Trà C, Trần Thị Bích V1; Bản án hình sự sơ thẩm 105/2025/HS-ST ngày 26-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà C, bị cáo Trần Thị Bích V1.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Thị N; không chấp nhận kháng cáo giảm mức phạt tiền của bị cáo Vũ Thị H1; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bị cáo Lâm Thị N về phần hình phạt.

3. Áp dụng các khoản 3 và 4 Điều 189; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lâm Thị N: **04** (bốn) năm tù về tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đến ngày 01 tháng 11 năm 2024 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) về tội "*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*".

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Vũ Thị H1 phải chịu 200.000 đồng. Các bị cáo Lâm Thị N, Nguyễn Thị Trà C, Trần Thị Bích V1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT, Phòng tham mưu-CA tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THAHS và HTTP CA tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long